TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** **————————————**

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**
Ông **Nguyễn Văn Bạn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đào Minh Tuấn** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Đông** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1212/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Quốc T** - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ ... Khu phố ...., phường Uyên H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Trương Thị Mỹ L** - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số ... (số mới ...) Tân A, phường Vĩnh T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Trương Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng. Chúng tôi đã tự sống ly thân được 04 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ

chồng tôi ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu ly hôn với cô Trương Thị Mỹ L.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

** Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trương Thị Mỹ L nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Trần Quốc T và bị đơn bà Trương Thị Mỹ L đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Quốc T được ly hôn bà Trương Thị Mỹ L. Về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Quốc T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trương Thị Mỹ L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và gia đình*:

Ông Trần Quốc T và bà Trương Thị Mỹ L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày đăng ký: 19/9/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Ông bà mới kết hôn, chung sống với nhau trong thời gian rất ngắn đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được; Do vậy, ông T và bà L đã tự sống ly thân được 04 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để lấy lời khai nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không thể hiện ý chí muốn níu kéo, đoàn tụ

với nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của ông T và bà L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Quốc T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*:

Nguyên đơn ông Trần Quốc T khai: Vợ chồng ông chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*:

Nguyên đơn ông Trần Quốc T khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] *Về án phí*:

Ông Trần Quốc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002691 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Trần Quốc Thạnh đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Quốc T được ly hôn bà Trương Thị Mỹ L.

2. *Về con chung*:

Các đương sự không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*:

Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. *Về án phí*:

Ông Trần Quốc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba*

trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002691 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Trần Quốc Thạnh đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Trường, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 102, ngày: 19/9/2017);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh